

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
Ngày đăng ký
Thời hạn tái nhập/ tái xuất

305155054910
1
08/03/2024 17:12:58
/ / -

Số tờ khai đầu tiên
Mã loại hình
CSGONKVI
B11 2

- / 0515505491

Mã số thuế đại diện
Mã bộ phận xử lý tờ khai
Ngày thay đổi đăng ký

0801
02
/ /

Người xuất khẩu

Mã
Tên

0315877732
CÔNG TY TNHH MINA MINU VIỆT NAM

Mã bưu chính
Địa chỉ

(+84) 43
220/64-66 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại

070 6754321

Người ủy thác xuất khẩu

Mã
Tên

Người nhập khẩu

Mã
Tên

SOLID WAY OY

Mã bưu chính
Địa chỉ

48770
KOTKA
FI

ASENTAJANKATU 15
FINLAND

Mã nước

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn
Số lượng
Tổng trọng lượng hàng (Gross)
Địa điểm lưu kho
Địa điểm nhận hàng cuối cùng
Địa điểm xếp hàng
Phương tiện vận chuyển dự kiến
Ngày hàng đi dự kiến
Ký hiệu và số hiệu

122400022288424
1.120
25.247,2
02CISO1
FIKTK
VNGTL
9999
10/03/2024
1100 CARTONS = 23472 KG

CT
KGM
TONG CTY TAN CANG SG
KOTKA
GEMALINK
COSCO FAITH V.058W

Giấy phép xuất khẩu

1
2
3
4
5

Số hóa đơn
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành
Phương thức thanh toán
Tổng trị giá hóa đơn
Tổng trị giá tính thuế
Tỷ giá tính thuế
Tổng hệ số phân bổ trị giá

A -
05/03/2024
TTR
CIF - USD -
USD -
USD - 24.720 -
158.905,44 -

403/EX/2024
158.905,44
158.905,44
158.905,44 -

A

Phân loại không cần quy đổi VND
Tổng số tiền thuế xuất khẩu
Số tiền bảo lãnh

Người nộp thuế
Mã xác định thời hạn nộp thuế
Tổng số tiền lệ phí

Phân loại nộp thuế
A
VND

Tổng số trang của tờ khai 3 Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Số đính kèm khai báo điện tử
Phần ghi chú

1 -
Khong nam trong hiep hoi dieu, hop dong 2803/DK/2022 ngay 11.02.2024

2 -
3 -

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00389

Mục thông báo của Hải quan

Tên trường đơn vị Hải quan
Ngày hoàn thành kiểm tra
Ngày cấp phép xuất nhập
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khi khởi hành)
Địa điểm
Ngày khởi hành

CANG SAI GON KHU VUC I
08/03/2024 17:12:!
08/03/2024 17:12:!
10/03/2023
Ngày đến
/ / ~
/ / ~
/ / ~

Thông tin trung chuyển
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

1
2
3
02CISO1

08/03/2024

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai

305155054910

Số tờ khai đầu tiên

-

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

1

Mã loại hình

B11

2

Mã số thuế đại diện

0801

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CSGONKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai

02

Ngày đăng ký

08/03/2024

17:12:58

Ngày thay đổi đăng ký

/

/

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

/

/

-

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã 1 02CIOZZ 2 3 4 5

Tên KHO CTY TNHH MINA MINU VIET NAM

Địa chỉ ẤP LỘC HÒA, XÃ TÂY HÒA, HUYỆN TRĂNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Số container					
1	BSIU9960735	2	3	4	5
6		7	8	9	10
11		12	13	14	15
16		17	18	19	20
21		22	23	24	25
26		27	28	29	30
31		32	33	34	35
36		37	38	39	40
41		42	43	44	45
46		47	48	49	50

Chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai	305155054910	Số tờ khai đầu tiên	-	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	B11	2
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		CSGONKVI	Mã số thuế đại diện	0801
Ngày đăng ký		08/03/2024 17:12:58	Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Thời hạn tái nhập/ tái xuất		/ / -	Ngày thay đổi đăng ký	/ /

<01>

Mã số hàng hóa	08013200	Mã quản lý riêng	202PJ
Mô tả hàng hóa	#Hạt điều nhân, đã bóc vỏ, chưa rang, đóng gói 22.68kg/carton và 20kg/carton#&CI		

					Số lượng (1)	23.472	KGM					
					Số lượng (2)	23.472	KGM					
Trị giá hóa đơn		158.905,44			Đơn giá hóa đơn	6,77	-	USD	-	KGM		
Thuế xuất khẩu												
Trị giá tính thuế (S)		3.928.142.476,8			VND	Trị giá tính thuế (M)		-				
Số lượng tính thuế						Đơn giá tính thuế		167.354,4		VND	KGM	
Thuế suất		0%										
Số tiền thuế					VND							
Số tiền miễn giảm												
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng												
Danh mục miễn thuế xuất khẩu												
Tiền lệ phí		Đơn giá			Tiền bảo hiểm		Đơn giá					
		Số lượng					Số lượng					
		Khoản tiền			VND		Khoản tiền		VND			
Mã văn bản pháp luật khác		1	2	3	4	5						
Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu												



G.F LOGISTICS., CO

Address: M Floor, HMC Tower, 193 Dinh Tien Hoang Street,
Da Kao Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

Tax code: 0311775955

Tel: +84-28 38202991 (5 lines)

To: MINA MINU VIET NAM COMPANY LIMITED

ATTN: MSS. THONG

From: **GLE LOGISTICS**

Date: 01 MAR 2024

BOOKING CONFIRMATION

WE HEREBY CONFIRM YOUR BOOKING AS THE FOLLOWING DETAILS:

Booking Number: **08944424 – COSCO LINE**

VESSEL: **COSCO FAITH 058W**

Port of Loading: HO CHI MINH PORT

ETD: ~~10-MAR-2024~~

Port of Discharge: KOTKA, FINLAND

ETA: 02-APR-2024

Place of Delivery: KOTKA, FINLAND

Closing time at 06H30 A.M dated 09-MAR-2024

Ctnr	comm	pack	Height	Qty	CBM	GW	PU Date	Status
01	VIETNAMESE CASHEW KERNELS	carton'		1120C T	50.00	25,247.2		FCL

Commodity: VIETNAMESE CASHEW KERNELS

NOTE: You're kindly requested to ensure:

- 1/ Moving cargoes from ICD, Tan Cang to Cat Lai Port are under the cargo owner's cost and risk.
- 2/ We will load your container on board vessel basing on this "BOOKING CONFIRMATION"
- 3/ Checking this "Booking Confirmation" before presenting it to our empty container releasing section.
- 4/ Checking carefully the empty container prior to pick up.
- 5/ Declaring in details when booking DANGEROUS CARGO.
- 6/ Completing customs clearance and registering in the loading list at the port before the closing time.

☐ **ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG EPORT ĐỂ HẠ CONTAINER TẠI CẢNG. (SẼ ĐƯỢC CẤP CÙNG VỚI SEAL KHI DUYỆT LỆNH CẤP RỖNG)**

GREEK FIRE LOGISTICS., CO

EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM)
COMPANY LIMITED

SOLID WAY OY

ASENTAJANKATU 15, 48770 KOTKA, FINLAND
TEL: +358 52 601 160
INFO@SOLIDWAY.FI EORI / TAX ID FI2541838

SALES CONTRACT

Date: FEB.11, 2024
Contract No: 2803/DK/2024

WE HEREWITH HAVE THE PLEASURE TO CONFIRM HAVING BOUGHT FROM YOU:

THE SELLER MINA MINU VIET NAM COMPANY LIMITED

ADD: 220/64-66 XO VIETNGHE TINH STREET 21 WARD BINH THANH DISTRICT HO CHI MINH CITY
VIET NAM

TEL: +84.706754321

REPRESENTED BY: MRS. THONG - DIRECTOR

THE BUYER SOLID WAY OY

ASENTAJANKATU 15, 48770 KOTKA, FINLAND

TEL: +358 52 601 160 - INFO@SOLIDWAY.FI EORI / TAX ID FI2541838-2

REPRESENTATIVE BY: MR. DILMUROD PALVANOV- DIRECTOR

GOODS

1120 CARTONS = 23,472.00 KGS

CASHEW NUT KERNELS

PRICE US\$6.77 / KG CIF KOTKA, FINLAND

TOTAL VALUE US\$158,905.44 CIF KOTKA, FINLAND

PACKING IN BAG 22.68KG AND 20KGS NET PER CARTON

LATEST SHIPMENT WITHIN IN MAR 2024

DESTINATION KOTKA, FINLAND.

PAYMENT PAYMENT MUST BE TRANSFERRED TO SELLER'S BANK: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM – HOCHIMINH CITY BRANCH BY TTR AGAINST COPY DOCUMENTS.

DOCUMENT ALL DOCUMENTS ARE REQUIRED IN DUPLICATE

1. COMMERCIAL INVOICE
2. 3/3 BILL OF LADING
3. PACKING LIST CERTIFICATE

BUYER'S REPRESENTATIVE WILL INSPECT CARGO BEFORE PACKING AND SUPERVISE
STUFFING INTO CONTAINER.

VALIDITY OF THIS CONTRACT WILL BE FROM THE SIGNING DATE TO THE END JANUARY
2023 AND SIGNED THROUGH FACSIMILE.

THE SELLERS

THE BUYERS


DILMUROD PALVANOV

MINA MINU VIET NAM COMPANY LIMITED
ADD: 220/64-66 XO VIET NGHE TINH STREET 21 WARD BINH THANH DISTRICT HO CHI MINH CITY
VIET NAM
TEL: +84.706754321

COMMERCIAL INVOICES

No.: 403/EX/2024
Date.: MAR.05,2024

CONTRACT NO. 2803/DK/2024
APPLICANT : SOLID WAY OY
ASENTAJANKATU 15, 48770 KOTKA, FINLAND
TEL: +358 52 601 160 - INFO@SOLIDWAY.FI EORI
TAX ID FI2541838-2
SHIPMENT FROM : CAI MEP, VIETNAM
SHIPMENT TO : KOTKA, FINLAND
PAYMENT BY : TTR THROUGH THE BANK

DESCRIPTION OF GOODS	NUMBER OF CARTONS	WEIGHT DELIVERED		UNIT PRICE USD PER KG	IN US DOLLARS (USD)
		GROSS	NET		
		KGS			
1X40 FEET / 1120 CARTONS VIETNAMESE CASHEW KERNELS 1120 CARTONS CROP YEAR: 2023	1120	25,247.20	23,472.00	CIF KOTKA, FINLAND	
				6.77	158,905.44
TOTAL	1120	25,247.20	23,472.00	CARTONS	158,905.44
				KGS	USD
SAY: IN US DOLLARS ONE HUNDRED FIFTY EIGHT THOUSAND NINE HUNDRED AND FIVE AND CENTS FORTY FOUR ONLY./.					

CONTAINER NO. BSIU9960735

MINA MINU VIET NAM CO., LTD

MINA MINU VIET NAM COMPANY LIMITED
ADD: 220/64-66 XO VIET NGHE TINH STREET 21 WARD BINH THANH DISTRICT HO CHI MINH CITY
VIET NAM
TEL: +84.706754321

PACKING LIST

No.: 403/EX/2024
Date.: MAR.05,2024

APPLICANT : SOLID WAY OY
ASENTAJANKATU 15, 48770 KOTKA, FINLAND
TEL: +358 52 601 160 - INFO@SOLIDWAY.FI EORI
TAX ID FI2541838-2
SHIPMENT FROM : CAI MEP, VIETNAM
SHIPMENT TO : KOTKA, FINLAND

DESCRIPTION OF GOODS	NUMBER OF CARTONS	EACH CARTON		TOTAL WEIGHT	
		GROSS	NET	GROSS	NET
		KGS		KGS	
1X40 FEET / 1120 CARTONS VIETNAMESE CASHEW KERNELS					
150 CARTONS	150	22.11	20.00	3,316.50	3,000.00
100 CARTONS	100	22.11	20.00	2,211.00	2,000.00
220 CARTONS	220	22.11	20.00	4,864.20	4,400.00
250 CARTONS	250	22.11	20.00	5,527.50	5,000.00
400 CARTONS	400	23.32	22.68	9,328.00	9,072.00
CROP YEAR: 2024					
TOTAL	1120 CARTONS			25,247.20 KGS	23,472.00 KGS

CONTAINER NO. BSIU9960735

MINA MINU VIET NAM CO., LTD



EVERGREEN LINE

A Joint Service Agreement

BILL OF LADING PROOFREAD NON-NEGOTIABLE

(2) Shipper / Exporter

MINA MINU VIET NAM COMPANY LIMITED
ADD: 220/64-66 XO VIET NGHE TINH STREET 21 WARD
BINH THANH DISTRICT HO CHI MINH CITY VIET NAM

(5) Document No.

235201700872

(6) Export References

(3) Consignee (complete name and address)

SOLID WAY OY
48770 KOTKA, FINLAND,
ASENTAJANKATU 15

(7) Forwarding Agent-References

(4) Notify Party (complete name and address)

SOLID WAY OY
48770 KOTKA, FINLAND,
ASENTAJANKATU 15
TEL: +358 52 601 160

(8) Point and Country of Origin (for the Merchant's reference only)

(9) Also Notify Party (complete name and address)

(12) Pre-carriage by

(13) Place of Receipt/Date

CAI MEP

(14) Ocean Vessel/Voy. No.

COSCO FAITH 058W

(15) Port of Loading

CAI MEP

(10) Onward Inland Routing/Export Instructions (which are contracted separately by Merchants entirely for their own account and risk)

(16) Port of Discharge

KOTKA, FINLAND

(17) Place of Delivery

KOTKA, FINLAND

(18) Container No. And Seal No.

Marks & Nos.

CONTAINER NO./SEAL NO.

(19) Quantity And

Kind of Packages

Particulars furnished by the Merchant

(20) Description of Goods

(21) Measurement (M³)

Gross Weight (KGS)

50.0000 CBM
25,247.200 KGS

BSIU9960735/EMCLJV7322/ 1120 CTNS
N/M

VIETNAMESE CASHEW KERNELS
150 CARTONS ROASTED WW180
100 CARTONS WW210
220 CARTONS WW240
650 CARTONS WW320
CROP YEAR: 2022
HS CODE: 08013200
N.W: 23,472.00 KGS
G.W: 25,247.20 KGS
50M3

10 DAYS FREE DEMURRAGE AND 14
*** THE BALANCE OF BILL OF LADING SEE ATTACHED LIST ***
TOTAL NUMBER OF ATTACHED 1 PAGE
OCEAN FREIGHT PREPAID
1120 CARTONS

(22) TOTAL NUMBER OF
CONTAINERS OR PACKAGES
(IN WORDS)

1 X40HC

(24) FREIGHT & CHARGES

Revenue Tons

Rate

Per Prepaid

Collect

AS ARRANGED

(25) B/L NO.

EGLV
235201700872

(27) Number of Original B(s)/L

3

(29) Prepaid at

HO CHI MINH

(30) Collect at

(28) Place of B(s)/L Issue/Date

HO CHI MINH

(31) Exchange Rate

(32) Exchange Rate

(26) Service Type/Mode

FCL/FCL

(33) Laden on Board

MAR.10,2024

EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM)
COMPANY LIMITED
Pls confirm, adjust this BL PROOFREAD asap
within receiving day. Otherwise,
we consider it as your final confirmation Tel:84-8-
35121888



EVERGREEN LINE

A Joint Service Agreement

ATTACHMENT

M.V. COSCO FAITH 058W B/L NO. EGLV235201700872

ATTACHED LIST PAGE :1/1

(18)Container No.And Seal no.
Mark & Nos.

(19)Quantity And
Kind of Packages

(20)Description of Goods

DAYS DETENTION AT DESTINATION

****CONTACT PERSON: ANATOLIY**